

KẾ HOẠCH
Thực hiện Công tác giảm nghèo bền vững năm 2024
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 11/NQ-TU ngày 03/11/2021 của Tỉnh uỷ về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025; Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản. Nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện điều kiện sống của người nghèo. Ưu tiên giảm nghèo các xã có lộ trình phấn đấu xây dựng nông thôn mới; chú trọng công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động. Huy động nguồn lực hỗ trợ nhà ở và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu

a) Phần đầu tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm còn 1,76%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 3% trở lên, tỷ lệ hộ nghèo tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao trên 25% giảm từ 4% trở lên.

(Đính kèm Phụ lục phân bổ chỉ tiêu giảm nghèo các địa phương năm 2024)

b) Hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản như: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi;

c) Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm

tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển;

d) Hỗ trợ tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm tại địa phương, trong tỉnh, trong nước và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số có nhu cầu;

đ) Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực giảm nghèo cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

a) Y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế;

b) Nhà ở: Phấn đấu tối thiểu 1.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững;

c) Việc làm

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm;

- Đảm bảo 100% người lao động có nhu cầu học nghề được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, kỹ năng; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 72,5%; có khoảng 2.050 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (trong đó phấn đấu có 5% hộ nghèo, hộ cận nghèo);

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định;

d) Giáo dục

Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 70%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp;

đ) Nước sinh hoạt và vệ sinh: 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

e) Thông tin

- Phấn đấu 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng dịch vụ viễn thông, internet;

- 90% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các sản phẩm truyền thông.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp chung

a) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; chỉ đạo, điều hành của chính quyền, phối hợp thực hiện của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy vai trò

của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững;

b) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác giảm nghèo; Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh, nhất là vai trò của người có uy tín trong cộng đồng, đồng bào dân tộc thiểu số để tuyên truyền, vận động thay đổi nhận thức của hộ nghèo về thực hiện chủ trương thoát nghèo bền vững, giúp cho hộ nghèo nhận thức được trách nhiệm thoát nghèo là trách nhiệm chính của gia đình, nhà nước và xã hội chỉ hỗ trợ một phần các điều kiện cần thiết;

c) Tăng cường công tác quản lý nhà nước; hoàn thiện tổ chức bộ máy và cơ chế điều hành

- Tiếp tục kiện toàn, hoàn thiện tổ chức bộ máy làm công tác giảm nghèo các cấp, phân công nhiệm vụ và địa bàn phụ trách cụ thể để chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo;

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo. Bồi dưỡng, tập huấn, trang bị kiến thức, kỹ năng quản lý, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp.

d) Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo

- Các cấp, các ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững; phân công cụ thể nhiệm vụ, tăng cường phân cấp để chủ động lập kế hoạch, quản lý điều hành và tổ chức thực hiện;

- Triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo; tạo điều kiện cho người dân tham gia tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin); chú trọng lồng ghép, ưu tiên thực hiện các dự án có tính liên kết chuỗi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn.

đ) Tổ chức đào tạo, tập huấn; theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác giảm nghèo bền vững

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ phụ trách công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp xã; tổ chức tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng hợp báo cáo tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện;

- Tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng người dân tham gia thực hiện và kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công tác giảm nghèo;

e) Thực hiện tốt các phong trào thi đua giảm nghèo, kịp thời biểu dương, khen thưởng, động viên cá nhân, tập thể có nhiều thành tích trong công tác giảm nghèo và những hộ nghèo, hộ cận nghèo tiêu biểu, điển hình vươn lên thoát nghèo bền vững; tăng cường hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao;

g) Huy động nguồn lực thực hiện công tác giảm nghèo bền vững: Tăng cường huy động các nguồn lực để thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo. Tiếp tục thực hiện tốt các phong trào, cuộc vận động giúp đỡ người nghèo do các

cấp, các ngành, hội, đoàn thể và các nhóm thiện nguyện, nhà hảo tâm trong xã hội phát động;

h) Ứng dụng công nghệ thông tin quản lý hộ nghèo: Ứng dụng công nghệ thông tin quản lý hồ sơ hộ nghèo, hộ cận nghèo hợp lý, khoa học. Xây dựng, triển khai hệ thống rà soát và quản lý thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn tỉnh giúp thực hiện công tác giảm nghèo.

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp giảm thiểu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

a) Việc làm

- Thực hiện khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn;

- Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn. Khuyến khích, ưu đãi các doanh nghiệp mở rộng hoạt động ở các xã đặc biệt khó khăn; hỗ trợ, tạo điều kiện, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, làng nghề, cơ sở kinh doanh ổn định phát triển sản xuất nhằm duy trì việc làm ổn định, tạo việc làm tại chỗ ở địa phương;

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các địa phương có xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và cơ sở đào tạo nghề cho người khuyết tật; tổ chức đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp;

- Khuyến khích tổ chức đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; đào tạo nghề phù hợp với cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề của địa phương, ưu tiên đào tạo các nghề có thể tự tạo việc làm tại chỗ, nghề có nhu cầu cao, có khả năng tìm được việc làm tại địa phương, trong tỉnh, trong nước và tham gia thị trường lao động quốc tế;

- Triển khai thực hiện các chính sách về việc làm nhằm phát triển kinh tế, thu hút đầu tư để tạo việc làm cho lao động tại địa phương, nhất là lao động thời vụ nông nhân, lao động không có cơ hội tiếp cận với thị trường lao động khác; hỗ trợ chi phí học nghề, vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Y tế

- Hỗ trợ phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; cải thiện chất lượng bữa ăn học đường, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; giáo dục bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi);

- Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo. Sử dụng hiệu quả Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo của tỉnh;

- Khuyến khích đội ngũ y, bác sỹ về làm việc ở tuyến cơ sở. Đầu tư cơ sở vật chất cho các trạm y tế, lồng ghép với thực hiện chuẩn quốc gia về y tế, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ y tế.

c) Giáo dục

- Triển khai thực hiện có hiệu quả, kịp thời các chính sách hỗ trợ cho học

sinh, sinh viên, học viên hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và quy định về chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Tuyên truyền, hướng dẫn và tạo mọi điều kiện cho học sinh, sinh viên đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn tiếp cận chính sách tín dụng theo quy định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

d) Nhà ở: Thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ và chính sách xóa nhà tạm cho hộ nghèo tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh; huy động sự chung tay góp sức của tất cả các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp và xã hội, đặc biệt là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, nhằm hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên toàn tỉnh;

đ) Nước sinh hoạt và vệ sinh

- Thực hiện chính sách đầu tư công trình phục vụ nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho người dân trên địa bàn huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển; thực hiện chính sách đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn; thực hiện chính sách hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch cho hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng theo quy định tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh;

- Huy động tối đa nguồn lực, thực hiện lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt và hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh cho người nghèo. Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư, xây dựng, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực dịch vụ cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường.

e) Thông tin

- Đào tạo, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông ở cơ sở;

- Huy động hỗ trợ phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở, đồn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội; thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới; thực hiện chính sách hỗ trợ phương tiện nghe nhìn cho hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng theo quy định tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh;

- Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về khoa học - kỹ thuật, các kinh nghiệm, các gương điển hình trong hoạt động sản xuất, gương vượt khó vươn lên thoát nghèo; cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới.

3. Nhóm giải pháp thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình

a) Chỉ đạo, điều hành, phối hợp tổ chức nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình

Thực hiện cơ chế phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong suốt quá trình xây dựng và thực hiện Chương trình. Khuyến khích và mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân trên địa bàn thông qua các Dự án, Tiểu Dự án thuộc Chương trình, nhất là các Dự án đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

b) Tập trung, ưu tiên nguồn lực theo hướng ưu tiên các Chương trình, Dự án mang lại hiệu quả cao như tạo việc làm, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế nhân rộng mô hình giảm nghèo,... lồng ghép hoạt động tín dụng chính sách xã hội với hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao khoa học công nghệ.

c) Chỉ đạo quyết liệt, đưa ra các tiến độ cụ thể; tập trung các giải pháp khắc phục những vướng mắc, khó khăn nhất là các thủ tục, hồ sơ thực hiện dự án đầu tư phát triển. Thực hiện hiệu quả các nội dung của Chương trình, khuyến khích các hoạt động tạo việc làm, tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo, giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

d) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình.

4. Các nhiệm vụ, giải pháp khác

a) Hỗ trợ hộ nghèo người có công cách mạng và hộ nghèo không có khả năng lao động

- Lồng ghép nguồn lực, ưu tiên hỗ trợ xoá các chiều thiếu hụt về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin... Hướng dẫn, hỗ trợ học nghề, tạo việc làm phù hợp đối với những lao động có khả năng lao động hoặc lao động bổ sung đến tuổi để xoá chiều thiếu hụt về việc làm;

- Thực hiện các chính sách về hỗ trợ phương tiện nghe nhìn, lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch, trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh; huy động nguồn lực hỗ trợ của các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp và xã hội để chăm lo, hỗ trợ xoá nghèo theo từng trường hợp cụ thể.

b) Nhân rộng mô hình giảm nghèo

- Xây dựng, nhân rộng mô hình giảm nghèo theo hướng liên kết giữa hộ nghèo, nhóm hộ nghèo với các doanh nghiệp nhằm tạo và nâng cao lợi nhuận cho người nghèo thông qua sự hỗ trợ vốn, kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp;

- Khảo sát, đánh giá các mô hình, dự án hỗ trợ khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư đã triển khai trên địa bàn, tiếp tục nhân rộng các mô hình, dự án có hiệu quả, phù hợp với hộ nghèo, hộ cận nghèo và điều kiện, đặc thù của địa phương, tạo điều kiện, cơ hội cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận, tham gia các mô hình, tạo thu nhập, ổn định cuộc sống, thoát nghèo bền vững.

c) Hỗ trợ vay vốn tín dụng

- Rà soát, nắm lại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đáp ứng điều kiện, có nhu cầu vay vốn và sử dụng vốn vay có hiệu quả theo quy định tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi để vay vốn mua sắm vật tư, thiết bị, giống cây trồng, vật nuôi; thanh toán các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh, tự tạo việc làm, tăng thu nhập; hoặc để giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, điện thắp sáng, nước sạch và học tập;

- Hướng dẫn, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo lập phương án sản xuất, kinh doanh để vay vốn; tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn sử dụng nguồn vốn vay hiệu quả;

- Phát huy vai trò các tổ chức nhận ủy thác vay vốn và các tổ tiết kiệm vay vốn của các tổ chức chính trị - xã hội. Đảm bảo nguồn vốn cho vay, thu nợ đúng kỳ hạn, quay vòng vốn nhanh và có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nghèo có điều kiện tiếp cận được các nguồn vốn vay;

- Thực hiện chính sách hỗ trợ vay vốn theo quy định tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh;

d) Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo: Tiếp tục hỗ trợ trực tiếp tiền điện sinh hoạt cho hộ nghèo với điều kiện và mức hỗ trợ theo quy định.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch năm 2024 được phân bổ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Kinh phí thực hiện một số chính sách trực tiếp cho hộ nghèo/người nghèo, hộ cận nghèo/người cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo quy định.

3. Các nguồn huy động hợp pháp khác.

(Phụ lục thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các địa phương chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch nhằm đạt mục tiêu đề ra;

b) Chủ trì, hướng dẫn, triển khai thực hiện Dự án 1, Dự án 2, Dự án 4, Tiểu dự án 2 của Dự án 6, Dự án 7 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

c) Thực hiện kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND; tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất kết quả thực hiện cho UBND tỉnh;

d) Chia sẻ cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo cho các cơ quan, đơn vị liên quan để phục vụ công tác triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến Chương trình;

đ) Tham mưu, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương dự toán kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND; tổng hợp, gửi Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

e) Theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh tập trung huy động mọi nguồn lực để thực hiện Kế hoạch. Ưu tiên nguồn lực cho huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, gắn mục tiêu giảm nghèo với xây dựng nông thôn mới.

3. Sở Tài chính: Hàng năm, trên cơ sở dự toán kinh phí do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp từ các cơ quan, đơn vị và các địa phương liên quan (đã bao gồm kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND tỉnh) và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giám sát, kiểm tra, hướng dẫn sử dụng nguồn kinh phí giảm nghèo đúng mục đích, có hiệu quả.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3; Chủ trì, hướng dẫn, triển khai thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông, lâm, ngư; phát triển các ngành nghề nông thôn; chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; hỗ trợ xây dựng các mô hình chuyên giao tiến bộ kỹ thuật, mô hình chuyên canh theo hướng sản xuất hàng hóa để người nghèo dễ tiếp cận và tham gia;

b) Bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ khuyến nông cơ sở trong việc giúp đỡ, hướng dẫn các hộ gia đình vay vốn, sử dụng nguồn vốn, tổ chức sản xuất;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới ưu tiên những xã có tỷ lệ hộ nghèo cao. Thực hiện lồng ghép các chương trình của ngành với chương trình giảm nghèo bền vững;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh quyết định hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch cho hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng theo quy định tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

d) Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

5. Sở Xây dựng: Chủ trì triển khai chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện A Lưới và chính sách xóa nhà tạm cho hộ nghèo theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Theo dõi, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Sở Y tế

a) Chủ trì, trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3;

b) Chủ trì thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe cho người nghèo. Đẩy mạnh công tác truyền thông về kế hoạch hóa gia đình cho các hộ nghèo. Chủ

động phối hợp tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế, phối hợp quản lý và sử dụng hiệu quả Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo. Thực hiện việc lồng ghép các chương trình của ngành với chương trình giảm nghèo;

c) Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành và các địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo về thông tin. Bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ thông tin ở cơ sở tại địa phương. Phát triển mới, duy trì các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới;

b) Thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã. Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

c) Hỗ trợ sản xuất, biên tập phát sóng, phát hành, chuyển tải, lưu trữ, quảng bá, phục vụ người đọc sản phẩm báo chí, sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, các chương trình phát thanh truyền hình... để phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm, gương điển hình về giảm nghèo;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh quyết định hỗ trợ phương tiện nghe nhìn cho hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng theo quy định tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

đ) Theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành và các địa phương hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đất đai; thực hiện các giải pháp hạn chế tác động của biến đổi khí hậu đến người nghèo, đối tượng yếu thế.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì thực hiện các giải pháp đảm bảo tỷ lệ huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi; nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên;

b) Hướng dẫn thực hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ; phối hợp với Hội Khuyến học xây dựng cơ chế khuyến học, khuyến tài cho học sinh nghèo.

10. Sở Tư pháp: Chủ trì tiếp tục thực hiện hiệu quả tổ chức trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh và các hỗ trợ pháp lý liên quan đến người nghèo, các đối tượng chính sách khác. Nâng cao năng lực và hiệu quả của các tổ tư vấn và trợ giúp viên pháp lý.

11. Sở Văn hóa và Thể thao: Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành và các địa phương thực hiện chính sách đưa văn hóa về cơ sở, ưu tiên hỗ trợ người nghèo

tiếp cận văn hóa, thông tin, nâng cao đời sống tinh thần, nhất là các địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao, xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa.

12. Cục Thống kê tỉnh: Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức điều tra và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều; hướng dẫn về nghiệp vụ điều tra và xử lý báo cáo dữ liệu thực trạng nghèo của tỉnh.

13. Bảo hiểm xã hội tỉnh

a) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế thực hiện cấp thẻ Bảo hiểm y tế kịp thời cho người nghèo, người cận nghèo, người dân sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn; người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng khó khăn; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; đối tượng bảo trợ xã hội... theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã và thành phố Huế tổ chức triển khai việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế theo quy định tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

14. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố Huế và các đơn vị liên quan tổ chức quản lý, đảm bảo nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách vay theo quy định;

b) Hướng dẫn hồ sơ, thủ tục, trình tự vay vốn cho hộ nghèo để được hỗ trợ lãi suất ưu đãi vay vốn theo quy định tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

c) Tổng hợp, dự toán kinh phí đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

15. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án, đề án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu tác động giảm nghèo bền vững.

16. UBND thành phố Huế, các thị xã và các huyện

a) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; ưu tiên các nguồn lực cho công tác giảm nghèo; xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2024, giao cụ thể chỉ tiêu giảm nghèo, chỉ tiêu tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho từng xã, phường, thị trấn làm cơ sở để chỉ đạo, triển khai thực hiện; chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực và ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho các xã, thôn có tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao; bố trí một phần ngân sách địa phương để hỗ trợ thực hiện, hoàn thành các mục tiêu giảm nghèo theo chỉ tiêu phấn đấu. Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2024, trong đó lưu ý: kế hoạch phải có giải pháp hỗ trợ cụ thể cho từng hộ nghèo vươn lên thoát nghèo; có các giải pháp và phân công các tổ

chức, đoàn thể, cán bộ, công chức, cá nhân,... trực tiếp giúp đỡ từng hộ nghèo, hộ cận nghèo khắc phục các nguyên nhân nghèo và hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho từng hộ; có phụ lục danh sách hộ nghèo và giải pháp hỗ trợ kèm theo kế hoạch;

c) Nghiên cứu xây dựng các mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, phát huy các mô hình giảm nghèo, các điển hình làm kinh tế giỏi; truyền thông, nhân rộng để người nghèo, hộ nghèo tiếp cận, làm theo giúp tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo;

d) Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho người lao động phù hợp với thực trạng của địa phương, trong đó lưu ý xác định rõ nhu cầu, nội dung, thời gian đào tạo và số lượng lao động tham gia đào tạo cụ thể nhằm đảm bảo kế hoạch triển khai đạt hiệu quả cao;

đ) Phối hợp với các cấp, các ngành lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội với chương trình giảm nghèo bền vững; huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, vươn lên thoát nghèo;

e) Thực hiện kịp thời, đúng, đầy đủ các chế độ chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các văn bản quy định của Trung ương và Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

g) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện đối với cấp xã. Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 và báo cáo tình hình thực hiện Chương trình theo quy định.

17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt nam tỉnh và các tổ chức thành viên

a) Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong việc vận động tham gia hỗ trợ công tác giảm nghèo bền vững của xã hội, cộng đồng; hướng dẫn các cấp hội, các địa phương lồng ghép phong trào thi đua "*Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*" với cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*";

b) Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ các nguồn lực giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững; lồng ghép các chương trình mục tiêu, hoạt động của đơn vị mình nhằm tạo sức mạnh tổng hợp cho công tác giảm nghèo bền vững;

c) Tham gia giám sát, kiểm tra đánh giá việc bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo; đảm bảo nguyên tắc công bằng, dân chủ, công khai từ cơ sở, khu dân cư. Giám sát các hoạt động thực hiện các chính sách, chương trình, dự án về giảm nghèo.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND thành phố Huế, thị xã và các huyện căn cứ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, chủ động ban hành kế hoạch triển khai thực hiện; báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện trước ngày 30/11/2024 thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2024 của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các địa phương. Tổng hợp báo

cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*báo cáo năm trước ngày 05/12/2024*).

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp) để chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH;
- Văn phòng quốc gia về giảm nghèo;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đơn vị nêu tại mục V;
- VPĐP CTMTQGGBNV tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, XH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục
PHÂN ĐẦU CHỈ TIÊU GIẢM NGHÈO CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 03/KH-UBND ngày 03/01/2024 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Tổng số hộ nghèo năm 2023	Tỷ lệ nghèo năm 2023	Số hộ nghèo giảm năm 2024 (Phân đầu)	Tổng số hộ nghèo còn lại năm 2024 (Phân đầu)	Tỷ lệ năm 2024 (Phân đầu)
	Toàn tỉnh	7.540	2,27	1.595	5.945	1,76
1	Thành phố Huế	859	0,65	103	756	0,56
2	Thị xã Hương Thủy	166	0,64	16	150	0,57
3	Thị xã Hương Trà	277	1,50	28	249	1,33
4	Huyện Phong Điền	615	2,05	54	561	1,85
5	Huyện Quảng Điền	445	1,70	33	412	1,56
6	Huyện Phú Lộc	692	1,66	67	625	1,48
7	Huyện Phú Vang	811	2,27	67	744	2,05
8	Huyện Nam Đông	190	2,62	31	159	2,16
9	Huyện A Lưới	3.485	24,40	1.196	2.289	15,83